TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

Khoa Môi trường & Bảo hộ Lao động

Lưu đồ Chương trình Đào tạo – Ngành Công nghệ Kỹ thuật Môi trường

Year 1

- Tiếng Anh 1 — 001201 5(5.0)
- Vật lý tính toán 1 — 601083 2(2.0)
- Thí nghiệm Vật lý tính toán 1 — 601089 1(0.1); 601083
- Giới thiệu ngành Khoa học và kỹ thuật Môi trường — 902036 1(1.0)
- Hóa đại cương 1 — 901081 2(2.0)
- Thí nghiệm Hóa đại cương 1 — 901083 1(0.1); 901081
- Hình học giải tích và đại số 1 — 902045 2(2.0)
- Phương pháp học Đại học — 300024 1(1.0)
- Kỹ năng phát triển bền vững — L00001 2(1.1)
- Nhóm môn tự chọn – Kỹ năng phát triển bền vững (3101/3102_180901)
- Tiếng Anh 2 — 001202 5(5.0); 001201
- Vật lý tính toán 2 — 601084 2(2.0); 601083
- Thí nghiệm Vật lý tính toán 2 — 601090 1(0.1); 601084
- Cơ sở tin học 1 — 503021 2(1.1)
- Hóa đại cương 2 — 901082 2(2.0); 901081
- Thí nghiệm Hóa đại cương 2 — 901084 1(0.1); 901082
- Hình học giải tích và đại số 2 — 902046 2(2.0); 902045
- Vẽ kỹ thuật và hình họa — 901089 3(2.1)
- Bơi lội — D01001 0(1.1)
- Giáo dục quốc phòng – Học phần 1 — D02028 0(3.0)
- Kỹ năng làm việc nhóm — 300060 1(1.0)
- Kỹ năng viết và trình bày — 300094 1(1.0)
- Nhóm môn tự chọn – Giáo dục thể chất 1 (0101_180901)

Year 2

- Tiếng Anh 3 — 001203 5(5.0); 001202
- Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin — 301001 5(5.0)
- Pháp luật đại cương — 302053 2(2.0)
- Cơ sở tin học 2 — 503022 2(1.1); 503021
- Cơ học kỹ thuật: Tĩnh học — 901085 2(2.0); 901089, 300024
- Vật liệu — 901086 2(2.0)
- Hình học giải tích và đại số 3 — 902047 (2.0); 902046
- Phương trình vi phân sơ cấp — 902078 2(2.0); 902046
- Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững – Thái độ sống 2 — L00021 0(0.0)
- Giáo dục quốc phòng – Học phần 2 — D02029 0(2.0)
- Nhóm môn tự chọn – Giáo dục thể chất 2 (0201_180901)
- Nhóm môn tự chọn – Kỹ năng phát triển bền vững (2901_180901)
- Tư tưởng Hồ Chí Minh — 301002 2(2.0); 301001
- Thủy động lực học — 901080 2(2.0); 300060, 901085
- Địa chất công trình và địa chất thủy văn — 901087 2(2.0); 902036
- Thủy văn môi trường — 901088 2(2.0); 902036
- Quá trình công nghệ môi trường — 902052 3(3.0); 902036, 300024
- Vi sinh vật nước thải — 901090 3(3.0); 902036 300094
- Hóa học nước — 901091 3(3.0); 901082
- AutoCAD — 900010 2(0.2); 901089

Year 3

- Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam — 301003 3(3.0); 301002
- Trắc địa và thực tập trắc địa — 800040 2(1.1); 901089
- Công trình thu nước và trạm bơm — 901093 2(2.0); 901088, 901087
- Phân tích môi trường — 902081 3(2.1); 902052 300094
- Thí nghiệm Quá trình Công nghệ Môi trường — 902111 2(2.0); 902052
- Thiết kế hệ thống thủy lực — 901092 2(2.0); 901080, 300060
- Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững – Thái độ sống 3 — L.00025 0(0.0)
- Nhóm môn tự chọn – Kỹ năng phát triển bền vững (2901_180901)
- Xử lý nước cấp — 901009 3(3.0); 902052, 300094
- Xử lý nước thải — 901031 3(3.0); 902052
- Mạng lưới cấp và thoát nước — 901094 3(3.0); 903081
- Ứng dụng tin học trong ngành cấp thoát nước — 903061 2(2.0)
- Nhóm tự chọn kỹ thuật 1 (0301_180901) (2 tín chỉ)
- Nhóm tự chọn – Bền vững 2 (0601_180901) (2 tín chỉ)

Year 4

- Cấp thoát nước trong nhà — 901019 3(3.0); 901080 001203
- Kinh tế xây dựng — 901042 3(3.0); 901092 001203
- Nhóm tự chọn kỹ thuật 1 (0301_180901) (2 tín chỉ)
- Nhóm tự chọn kỹ thuật 4 (0401_180901) (4 tín chỉ)
- Nhóm tự chọn Thực hành 3 (0501_180901) (2 tín chỉ)
- Tập sự nghề nghiệp — 903103 4(0.4); 0701-180901 or 0702-180901
- Kỹ năng thực hành chuyên môn — 901CM1 0(0.0); 0701-180901 or 0702-180901
- Khóa luận (0701-180901) — 901104 10(0.10); 901019 901031 901009 001203/
  - Đồ án kỹ thuật 1 (0702-180901) — 901105 4(0.4); 901019 901031 901009 001203
  - Đồ án kỹ thuật 2 (0702-180901) — 901106 6(0.6); 901019 901031 901009 001203

GHI CHÚ:

- Kiến thức chung
- Môn cơ sở ngành
- Môn học chuyên ngành
- Khóa luận/ đồ án tốt nghiệp
- Môn học tự chọn
- 90… Môn học trước
- 90… Môn song hành
- 90… Môn học tiên quyết